TUẦN 6: Biểu đồ - Luyện tập chung.

ĐỀ 1

Bài 1: Biểu đồ dưới đây nói về số quyển vở của học sinh Trường tiểu học Đồng Tâm đã quyên góp được:

Khối lớp Một	
Khối lớp Hai	
Khối lớp Ba	
Khối lớp Bốn	
Khối lớp Năm	

Mỗi  chỉ 20 quyển vở

Dựa vào biểu đồ trên hãy cho biết:

a) Mỗi khối quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

b) Khối lớp nào quyên góp được nhiều vở nhất?

Khối lớp nào quyên góp được ít vở nhất?

c) Nếu tên các khối quyên góp được trên 100 quyển vở.

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

TT BDVH KHAI TÂM

……
……..

……
……..

……
……..

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

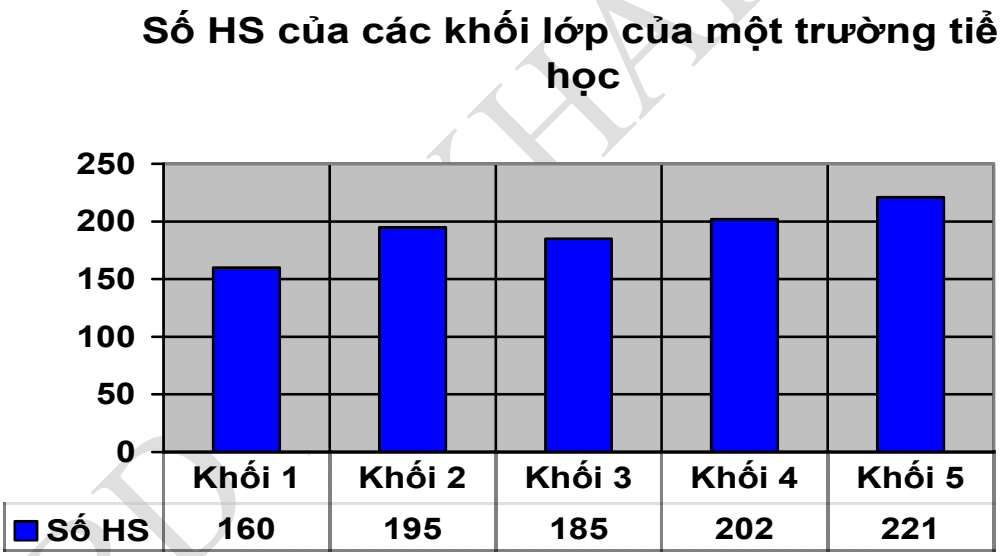
a) Giá trị chữ số 8 trong số 821 659 là:

A. 800 B. 8000 C. 80 000 D. 800 000

b) Con ngỗn cân nặng khoảng:

A. 5 kg B. 5 yến C. 5 tạ D. 5 tấn

Bài 3: Biểu đồ dưới đây nói về số học sinh của các khối lớp ở một trường tiểu học:



Dựa vào biểu đồ trên hãy:

a) Viết tên các khối lớp theo thứ tự có số học sinh từ ít đến nhiều.

b) Tính tổng số học sinh của trường tiểu học đó.

Bài 4. Hiệu của hai số là 3256. Nếu số bị trừ thêm 425 và số?

Bài giải

……
……..

……
……..

CS1: Số 3B-3D, Ngõ 29/39/1 Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, HN
CS2: Số 46 Trúc Khê – Láng Hạ - Đống Đa – HN
CS3: Số 8 – Ngõ 110 Quan Nhân – Nhân Chính – HN
Điện thoại: 0246.2927.005 - Hotline: 0964.09.9292
Email: info@khaitam.edu.vn - Website: www.khaitam.edu.vn

. . . . . .
. . . . . .

. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .

. . . . . .
. . . . . .

. . . . . .
. . . . . .

. . . . . .
. . . . . .

TT BDVH KHAI TÂM

ĐỀ 2

Bài 1: a) Viết số thích hợp vào ô trống, biết rằng tổng của bốn số ở bốn ô liên tiếp luôn bằng 2005:

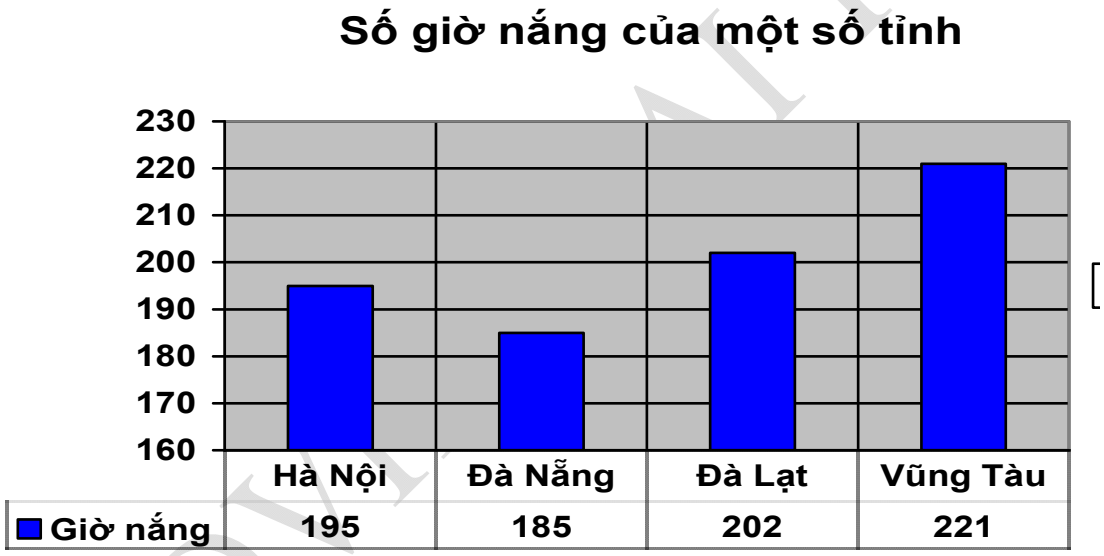
375		628	532						

b) Tính tổng của mười số trên:

……
……..

……
……..

Bài 2: Biểu đồ dưới đây nói về số giờ nắng trong



Dựa vào biểu đồ trên hãy trả lời các câu hỏi sau:

a) Tỉnh, thành phố nào có số giờ nắng nhiều nhất?

b) Trung bình mỗi tỉnh, thành phố có bao nhiêu giờ nắng?

c) Số giờ nắng của Vũng Tàu nhiều hơn số giờ nắng trung bình của các tỉnh, thành phố nếu trên bao nhiêu giờ?

Bài giải

……
……..

……
……..

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 3: Tìm các số có ba chữ số lớn hơn 500, biết rằng tổng các chữ số của mỗi số đó đều bằng 12 và chữ số hàng đơn vị bằng trung bình cộng của chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục.

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 4: Để ghi số trang của một cuốn sách, trung bình mỗi trang phải dùng 12 chữ số. Hỏi quyển sách đó có bao nhiêu trang?

Bài giải

TT BDVH KHAI TÂM

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………

TT BDVH KHAI TÂM

ĐỀ 3

Bài 1. Khoanh vào chữ trước câu trả lời đúng:

a) Số gồm 30 triệu ba mươi nghìn và ba mươi viết là:

A. 303 030 B. 253 030 030 C. 3 003 030 D. 30 030 030

b) Giá trị chữ số 6 trong số 268 519 là:

A. 600 000 B. 60 000 C. 68 000 D. 6000

Bài 2. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào ô trống:

a) 8 tấn 15 kg = 815 kg ☐

b) 8 tấn 15 kg = 8015 kg ☐

c) 1 tấn 2 yến = 1200 kg ☐

d) 1 tấn 2 yến = 1020 kg ☐

Bài 3. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào ô trống:

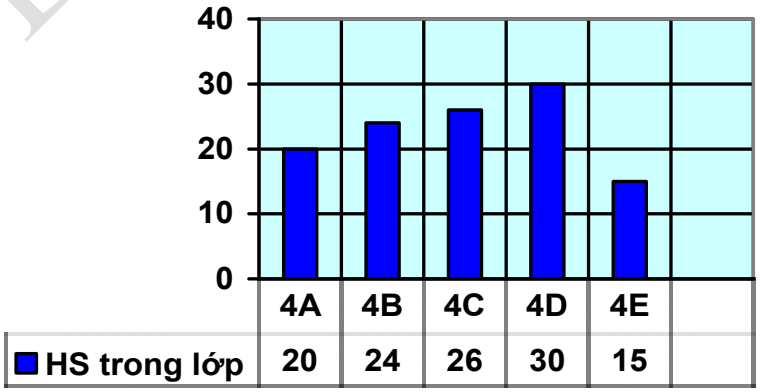
a) 180 phút = 3 giờ ☐

b) $\frac{1}{4}$ phút = 20 giây ☐

c) $\frac{1}{5}$ thế kỉ = 15 năm ☐

d) Năm 1000 thuộc thế kỉ thứ 11 ☐

Bài 4. Hãy xem biểu đồ sau:



TT BDVH KHAI TÂM

Khoanh tròn vào chữ đặt trước cau trả lời đúng: Trung bình số học sinh giỏi toán khối 4 trường Đoàn Kết năm 2008 – 2009 là:

A. 21 em B. 22 em C. 23 em D. 24 em

Bài 5. Hãy viết

a) 5 số lẻ liên tiếp bắt đầu từ số lớn nhất có 4 chữ số:

…… ; …… ; …… ; …… ; ……

b) 5 số chẵn liên tiếp mà số lớn nhất là số nhỏ nhất có 5 chữ số:

…… ; …… ; …… ; …… ; ……

Bài 6. Có 5 gói kẹo loại 200 gam mỗi gói và 4 gói kẹo loại 250 gam mỗi gói. Hỏi tất cả có bao nhiêu ki-lô-gam kẹo?

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 7. Một ô tô giờ thứ nhất đi được 64 km, giờ thứ hai đi được 48 km, giờ thứ ba đi được số km bằng trung bình cộng của hai giờ đầu.

a) Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

b) Cả 3 giờ ô tô đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..

TT BDVH KHAI TÂM

.....
.....

.....
.....

Bài 8. Tính nhanh giá trị của biểu thức sau:

72 x a + 38 x a – a x 10 với a = 25

.....
.....

.....
.....

TT BDVH KHAI TÂM

ĐỀ 4

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Trong các số dưới đây, số chứa chữ số 3 mà giá trị của số 3 đạt giá trị 3000 là:

A. 39 846 B. 78 354 C. 93 457 D. 57 843

b) Giá trị của chữ số 3 trong số nhỏ nhất có 6 chữ số khác nhau là:

A. 30 B. 300 C. 3000 D. 30 000

Bài 2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Tháng hai của năm nhuận có số ngày là:

A. 28 B. 29 C. 30 D. 31

b) Bắt đầu từ năm 1980 đến hết năm 2020 có số năm nhuận là:

A. 8 B. 9 C. 10 D. 11

Bài 3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Trung bình cộng của số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau với số nhỏ nhất có 3 chữ số là:

A. 4986 B. 4988 C. 5000

b) Trung bình cộng của số bé nhất có 6 chữ số khác nhau với số lớn nhất có 4 chữ số là:

A. 56 072 B. 56 172 C. 56 222

Bài 4. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào ô trống:

a) Tổng của số lẻ nhỏ nhất có 5 chữ số với số lớn nhất có 4 chữ số là 20 000. ☐

b) Tổng của số lớn nhất có 5 chữ số khác nhau với số bé nhất có 5 chữ số khác nhau là 108 900. ☐

c) Hiệu của số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau đều lẻ với số bé nhất có 4 chữ số khác nhau đều chẵn là 7707. ☐

d) Hiệu của số chẵn lớn nhất có 5 chữ số với số lớn nhất có 4 chữ số là 89 898. ☐

Bài 5. Không thực hiện phép tính, hãy so sánh giá trị của M và N:

$$M \times 88 = 88 \times 1090$$

$$(N + 1090) \times 256 = (984 + 1090) \times 256$$

TT BDVH KHAI TÂM

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 6. Hãy viết thêm bốn số thích hợp vào chỗ chấm trong dãy số sau và giải thích các tìm các số đó: 1 ; 2 ; 3 ; 5 ; 8 ; …….. ; …….. ; …….. ; ……..

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 7. Hà làm được 16 bông hoa, Hằng làm được 19 bông hoa, Lan làm được số bong hoa nhiều hơn mức trung bình của cả 3 bạn là 5 bông hoa. Hỏi cả 3 bạn làm được bao nhiêu bong hoa?

Bài giải

TT BDVH KHAI TÂM

……………………………………………………………………………………………
……..

……………………………………………………………………………………………
……..

……………………………………………………………………………………………
……..

……………………………………………………………………………………………
……..

……………………………………………………………………………………………
……..

……………………………………………………………………………………………
……..

……………………………………………………………………………………………
……..

……………………………………………………………………………………………
……..

TT BDVH KHAI TÂM

ĐỀ 5

Bài 1. Viết số thích hợp vào ô trống:

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	111 999	
	2 888 000	
	7 679 545	
	3 999 999	

Bài 2. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào ô trống:

a) Năm 1010 thuộc thế kỉ XI. ☐

b) Năm 1999 thuộc thế kỉ XIX. ☐

c) Năm 2000 thuộc thế kỉ XX. ☐

d) Thế kỉ XXI kéo dài từ năm 2001 đến năm 2100. ☐

Bài 3. Cuộn dây thứ nhất dài 150 m, cuộn thứ hai dài bằng $\frac{1}{3}$ cuộn thứ nhất, cuộn thứ ba dài gấp đôi cuộn thứ hai. Hỏi trung bình mỗi cuộn dây dài bao nhiêu mét?

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 4. Đặt rồi tính

TT BDVH KHAI TÂM

a) 5203 + 2684 b) 4568 + 3962 c) 749 685 – 684 571

…… …… ……

…… …… ……

…… …… ……

Bài 5. Năm ngoái huyện P trồng được 567 439 cây cao su. Năm nay huyện P trồng được 328 455 cây cao su. Hỏi cả hai năm huyện P trồng được bao nhiêu cây cao su?

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 6. Nối các phép tính có cùng kết quả với nhau

858 769 – 425 769	570 618 – 258 618	658 473 – 286 473
769 835 – 457 835	729 283 – 296 283	937 761 – 565 761

Bài 7. Tổng của hai số là 34 270. Nếu thêm vào số lớn 489 đơn vị và bớt ở số bé đi 345 đơn vị thì tổng hai số mới là bao nhiêu??

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 8: Tìm chữ số thích hợp điền vào dấu *:

TT BDVH KHAI TÂM

$$\begin{array}{r} *4*5 \\ +\ 3*68 \\ \hline 604* \end{array}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TT BDVH KHAI TÂM

ĐỀ 6

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Biểu đồ dưới đây biểu diễn số sản phẩm của 3 ca sản xuất tại xí nghiệp may xuất khẩu Nam Hồng trong tháng 5 năm 2009.

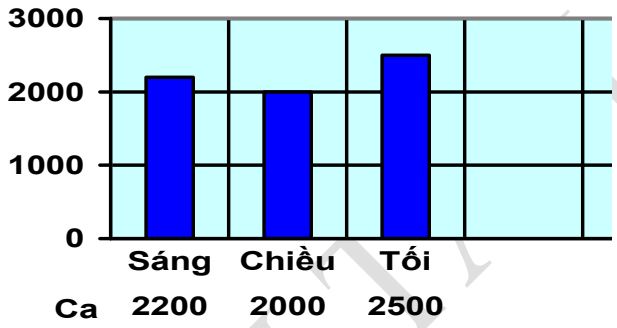
a) Ca sáng: ……. sản phẩm

b) Ca chiều: …… sản phẩm

c) Ca tối: …… sản phẩm

d) Tổng sản phẩm cả 3 ca là:

…… sản phẩm



Bài 2. Viết số thích hợp vào ô trống theo mẫu:

Số / Giá trị	150 786	5 017 864	4 871 659	6 548 173
Chữ số 5	50 000			
Chữ số 8	80			
Chữ số 1	100 000			
Chữ số 6	6			

Bài 3. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào ô trống:

a) Thế kỉ XI kể từ năm 1001 đến năm 1100. ☐

b) Thế kỉ XVIII kể từ năm 1801 đến năm 1900. ☐

c) Thế kỉ XIX kể từ năm 1801 đến năm 1900. ☐

d) Thế kỉ XXI kể từ năm 2001 đến năm 2100. ☐

Bài 4. Nối các phép tính có cùng kết quả với nhau

TT BDVH KHAI TÂM

492 853 + 372 619	866 472
492 853 + 372 619	865 672
492 853 + 372 619	865 472
492 853 + 372 619	864 572

Bài 5. Sau khi thêm vào số bị trừ 498 đơn vị và bớt đi ở số trừ 547 đơn vị thì hiệu hai số là 10 232. Tìm hiệu của hai số ban đầu?

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 6. Tìm chữ số thích hợp điền vào dấu *:

$$\begin{array}{r} \_*67* \\ 2*38 \\ \hline 29*6 \end{array}$$

……
……
……
……
……
……

TT BDVH KHAI TÂM

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

TT BDVH KHAI TÂM

Bài 7. Một nông trại có tất cả 12 650 con gà con vịt. Sau khi trại đó mua thêm số vịt bằng số vịt hiện có thì trại có tất cả 24 160 con gà và con vịt. Hỏi lúc đầu trại đó có bao nhiêu con gà? Bao nhiêu con vịt?

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

Bài 8. Tổng của số thứ nhất và số thứ hai bằng 4631, tổng số thứ hai và thứ ba bằng 5691, tổng số thứ nhất và thứ ba bằng 6196. Tìm ba số đó.

Bài giải

……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..
……
……..

TT BDVH KHAI TÂM

TT BDVH KHAI TÂM